TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày 02 - 03 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn
2. Ông Đỗ Trường Tam

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà*: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Võ Thanh T (P), sinh năm 1990, tại huyện G, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ô 5/67B, khu phố T, thị trấn GD, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T1 và bà Lê Bích T2; vợ Lâm Thị L; con 01 người sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: ngày 17-6-2016 bị Trưởng Công an thị trấn Gò Dầu xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 26-7-2016 bị Trưởng Công an thị trấn Gò Dầu xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 24-10-2016 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Gò Dầu ra Quyết định số 56 áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: không; bị bắt giữ, tạm giam ngày 19-10-2017 có mặt.

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1987, tại huyện G, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ô 2/131B, khu phố TH, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị T3; vợ Hồ Thị Thúy K; con 01 người sinh năm 2010; tiền án: tại bản án số: 08/2013/HSST ngày 18-01-2013 bị Tòa án

nhân dân huyện Gò Dầu xử phạt 05 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 BLHS, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 04-7-2017; tiền sự: không; nhân thân: năm 2006 – 2008 bị đưa đi giáo dục bắt buộc tại Phú Hòa, tỉnh Bình Dương về hành vi gây rối trật tự công cộng; bị bắt tạm giam ngày 26-10-2017 có mặt.

3. Phan Văn N, sinh năm 1977, tại huyện G, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ô 5/143A, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: phụ giúp gia đình; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N (chết) và bà Võ Thị P1(chết); vợ Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm 1975; con 02 người lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 18-7-1996 bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xử phạt 12 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án số: 43/ST-HS đến ngày 15-7-1997 chấp hành xong hình phạt; bị cáo ngoại có mặt.

Người bị hại:

1. Ông Lê Hồng L1, sinh năm 1972; địa chỉ: 1/30B, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

2. Ông Võ Văn P1, sinh năm 1952; địa chỉ: ấp TV, xã TD, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Huyền T5, sinh năm 1975; địa chỉ: Ô 2/24, khu phố TH, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Minh T6, sinh ngày 14-5-2003; địa chỉ: Ô 1/230, khu phố TB, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

Bị đơn dân sự: bà Lê Thị T7, sinh năm 1980; Ô 1/230, khu phố TB, thị trấn GD, huyện G, tỉnh Tây Ninh, là mẹ của anh Nguyễn Minh T6 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 0 giờ 30 ngày 16-10-2017, Võ Thanh T (P) đi bộ đến nhà kho của ông Võ Văn P1 thuộc ấp TV, xã TP, huyện G leo qua cổng rào vào lấy một máy cắt sắt hiệu ACZ 9355, một máy khoan tường hiệu PA6GF30 của anh Lê Hông L, sau đó đem bán cho Phan Văn N, trước khi bán T nói với N " Đồ của bạn lấy trộm", N đồng ý mua với giá 700.000 đồng. Trên đường về thì gặp Nguyễn Minh T6 xin ma túy để sử dụng, T rủ T6 đi trộm thì T6 đồng ý; T lấy điện thoại của T6 điện cho Nguyễn Văn L hỏi "*Có mua máy cắt sắt cũ không để Tùng lấy bán, L trả lời có chưa, khi nào có rồi tính, T trả lời vậy con đi lấy nhen*". Khoảng 01 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở Trung quay lại nhà kho ông P1, Trung đứng ngoài canh gác; T leo qua cổng rào vào lấy một máy cắt sắt của anh L và 10 cuộn dây điện hiệu Cadivi các loại của ông P1 cùng với T6 đem về nhà T cất giấu. T điện thoại cho L nói "Có rồi", do không hiểu biết về máy nên L nhờ anh Huỳnh Văn N1 (anh rễ) đến nhà T xem máy; sau khi xem và thử xong L đồng ý mua máy cắt sắt với giá 500.000 đồng và 05 cuộn dây điện với giá 1.000.000 đồng, nhưng hẹn đến sáng trả tiền; lúc này T nhờ lâu mua dùm bịt ma túy đá tương

đương 1.500.000 đồng thì L đồng ý; Lâu chở N1 cùng 05 cuộn dây điện về trước, trên đường đi L điện thoại cho người tên L1 (không rõ họ và địa chỉ) mua ma túy; sau đó T chở T6 đến giao máy cắt sắt, L đưa ma túy cho T.

Khoảng 02 giờ cùng ngày, T lấy 05 cuộn dây điện còn lại bán cho N với giá 1.200.000 đồng.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, L mang 03 cuộn dây điện ra bán cho Hồ Huyền T10 được 750.000 đồng, cùng ngày chị T10 đã bán cho người khác; khoảng 13 giờ ngày 17-10-2017, L đưa máy cắt sắt cho Phan Khắc M và Hồ Thanh P2 đem đi bán dùm thì bị Công an phát hiện, T đến Công an đầu thú.

Tại kết luận định giá tài sản số: 95 ngày 23-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu kết luận: một máy cắt sắt có giá trị 1.133.000 đồng; một máy cắt sắt hiệu ACZ-9355 trị giá 1.167.000 đồng; một máy khoan tường hiệu PA6GF30 trị giá 633.000 đồng; một cuộn dây điện hiệu Cadivi CV6 trị giá 1.208.000 đồng; một cuộn dây điện hiệu Cadivi CV3 trị giá 563.000 đồng; một cuộn dây điện hiệu Cadivi CV3 dài 99 m trị giá 554.000 đồng; một cuộn dây điện hiệu Cadivi CV2 trị giá 422.000 đồng; một cuộn dây điện hiệu Cadivi CV2 dài 52m trị giá 218.000 đồng; 05 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV 1.5 trị giá 1.685.000 đồng; tổng cộng: 7.583.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 09/QĐ/KSĐT ngày 16-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đã truy tố bị cáo Võ Thanh T (P), Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Phan Văn N về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thanh T (P) từ 12 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn N từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Các bị cáo T, L và N nói lời sau cùng thừa nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại anh Lê Hồng L xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Võ Thanh T thừa nhận, do không có tiền mua ma túy sử dụng, khoảng 0 giờ 30 ngày 16-10-2017, bị cáo lén lút vào nhà kho của ông Võ Văn P1 thuộc ấp TV, xã TP, huyện G lấy một máy cắt sắt hiệu ACZ 9355, một máy khoan tường hiệu PA6GF30 của anh Lê Hồng L (định giá 1.800.000 đồng), sau đó đem bán cho bị cáo Phan Văn N với giá 700.000 đồng. Trên đường về thì gặp Nguyễn Minh T6, bị cáo rủ T6 đi trộm, T6 đồng ý; bị cáo lấy điện thoại của T6 điện cho bị cáo Nguyễn Văn L hỏi "*Có mua máy cắt sắt cũ không để T lấy bán, L trả lời có chưa, khi nào có rồi tính, T trả lời vậy con đi lấy nhen*", bị cáo chở T6 quay lại nhà kho ông P1; T6 đứng ngoài canh gác, bị cáo leo qua cổng rào vào lấy một máy cắt sắt của anh L (định giá 1.133.000 đồng) và 10 cuộn dây điện hiệu Cadivi các loại của ông P1 (định giá 4.650.000 đồng) rồi cùng với T6 đem về nhà bán cho bị cáo L 01 máy cắt sắt với giá 500.000 đồng (định giá 1.133.000 đồng) và 05 cuộn dây điện gồm: 01 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV3 dài 99m, một cuộn dây điện hiệu Cadivi CV2 dài 52m, 03 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV 1.5 với giá 1.000.000 đồng (định giá 1.783.000 đồng); 05 cuộn dây điện còn lại gồm: một cuộn dây điện hiệu Cadivi CV6, một cuộn dây điện hiệu Cadivi CV3, một cuộn dây điện hiệu Cadivi CV2 và 02 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV 1.5 bán cho bị cáo N với giá 1.200.000 đồng (định giá 2.867.000 đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L thừa nhận bị cáo T có điện thoại trước cho bị cáo hỏi có mua máy cắt sắt không, bị cáo biết tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có nên trả lời khi nào có thì mua; sau khi bị cáo T trộm xong bán cho bị cáo 01 máy cắt sắt với giá 500.000 đồng (định giá 1.133.000 đồng) và 05 cuộn dây điện như bị cáo T đã trình bày tại phiên tòa. Còn bị cáo Phan Văn N thừa nhận do chuẩn bị xây nhà, thấy bị cáo T kêu bán 01 máy cắt sắt hiệu ACZ 9355, 01 máy khoan tường hiệu PA6GF30 và 05 cuộn dây điện nên bị cáo mua; khi mua bị cáo biết đó là tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự thì "Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm". Như vậy, bị cáo Võ Thanh T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị 7.583.000 đồng; còn bị cáo Nguyễn Văn L đã thực hiện hành vi hứa hẹn trước với bị cáo T, sau khi bị cáo T trộm được tài sản đem về bán lại cho bị cáo có giá trị 2.916.000 đồng; hành vi nêu trên của hai bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự thì "Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, …thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm". Như vậy, bị cáo Phan Văn N không hứa hẹn trước với bị cáo T, nhưng biết rõ tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có (giá trị 4.667.000 đồng); hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu truy tố các bị cáo là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Minh T6, sinh ngày 14-5-2003 tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên Công an huyện Gò Dầu xử lý hành chính là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; nguyên nhân dẫn đến vụ án do bị cáo T nghiện ma túy, đã bị Công an thị trấn Gò Dầu xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần nhưng không từ bỏ, để có tiền sử dụng ma túy bị cáo rủ T6 (người chưa thành niên) chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá 7.583.000 đồng; bị cáo Lâu có một tiền án chưa được xóa án mà lại thỏa thuận mua tài sản do bị cáo Tùng chiếm đoạt trị giá 2.916.000 đồng, lần phạm tội này là tái phạm (điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự); hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, cho nên các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của từng bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Tùng ra đầu thú, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt, tiêu thụ phần lớn được thu hồi trả lại cho người bị hại xong; đây là tình tiết cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đối với Phan Văn N bị Tòa án đưa xét xử một lần, nhưng được xóa án cách đây trên 10 năm, tài sản bị cáo mua đã bị thu hồi toàn bộ trả cho người bị hại xong, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các biện pháp tư pháp: trong quá trình điều tra đã thu giữ 02 máy cắt sắt (01 máy màu xanh không nhãn hiệu, 01 máy hiệu hiệu ACZ 9355), một máy khoan tường hiệu PA6GF30 đã trả lại cho anh Lê Hồng L xong. Đã thu giữ 07 cuộn dây điện gồm: 01 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV3 dài 99m, 01 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV2 dài 52m, 01 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV6, 01 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV3, 01 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV2 và 02 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV 1.5 trả lại cho ông Phỉ xong. Còn lại 03 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV 1.5 (trị giá 1.011.000 đồng) chị T đã bán cho người không biết tên, địa chỉ Cơ quan điều tra không thu hồi được; trong quá trình điều tra ông Phỉ không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Trong quá trình điều tra xác minh các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo **Võ Thanh T, Nguyễn Văn L** phạm tội " Trộm cắp tài sản "; bị cáo **Phan Văn N** phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Võ Thanh T 01 (một)** năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-10-2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L 09 (chín)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-10-2017.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phan Văn N 06 (sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách **01 (một)** năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

4. Các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự.

Ghi nhận ông Võ Văn P1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại 03 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV 1.5.

3. Án phí: căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng ông Phỉ, bà Trang, anh Trung và bà Tám vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Sở Tư pháp tỉnh nơi bị cáo ĐKNKTT;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Công an xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng